

Số: /2025/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ**Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bãi chôn lấp chất thải rắn**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bãi chôn lấp chất thải rắn.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bãi chôn lấp chất thải rắn (QCVN 96:2025/BNNMT).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cơ sở đã đi vào vận hành, dự án đầu tư đang triển khai (bao gồm dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi

hành) có bãi chôn lấp chất thải rắn được tiếp tục thực hiện theo quy định chuyển tiếp như sau:

a) Bãi chôn lấp chất thải rắn đang vận hành, bãi chôn lấp chất thải rắn đang xây dựng và hoàn thành nghiệm thu xây dựng trước ngày 31 tháng 12 năm 2028 được tiếp tục vận hành cho đến hết công suất đã được phê duyệt nhưng phải bảo đảm tuân thủ quy định tại Mục 2.3 và Mục 2.4 QCVN 96:2025/BNNMT.

b) Bãi chôn lấp chất thải rắn của dự án đầu tư đang triển khai được xây dựng hoặc hoàn thành nghiệm thu xây dựng sau ngày 01 tháng 01 năm 2029 phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 96:2025/BNNMT, trừ Mục 2.1 QCVN 96:2025/BNNMT.

2. Bãi chôn lấp mới của dự án đầu tư (bao gồm: dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao công suất) triển khai, xây dựng sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành phải áp dụng quy định tại QCVN 96:2025/BNNMT.

3. Khuyến khích cơ sở, dự án đầu tư đang triển khai áp dụng các quy định tại QCVN 96:2025/BNNMT kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để được xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các PTTg Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc; các Ủy ban của Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- UBTW MTTQVN;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ NN&MT;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ NN&MT;
- Cổng TTĐT Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, PC, KHCN, MT, TT (100).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 96:2025/BNMT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ
BÃI CHÔN LẤP CHẤT THẢI RẮN**

National Technical Regulation on Solid Waste Landfills

Lời nói đầu

QCVN 96:2025/BNNMT do Cục Môi trường biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ trình duyệt; Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành theo Thông tư số .../2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm 2025.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÃI CHÔN LẤP CHẤT THẢI RẮN

National Technical Regulation on Solid Waste Landfills

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

1.1.1. Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với bãi chôn lấp chất thải rắn.

1.1.2. Quy chuẩn này không áp dụng đối với việc chôn lấp chất thải phóng xạ. Việc chôn lấp chất thải phóng xạ được thực hiện theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng, vận hành, quản lý bãi chôn lấp chất thải rắn và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. *Bãi chôn lấp chất thải rắn* là địa điểm để thực hiện việc xử lý chất thải rắn bằng phương pháp chôn lấp đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Bãi chôn lấp chất thải rắn bao gồm bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, bãi chôn lấp chất thải rắn công nghiệp thông thường và bãi chôn lấp chất thải nguy hại. Bãi chôn lấp chất thải rắn có thể chia thành nhiều ô chôn lấp để thuận tiện trong quá trình quản lý. Bãi chứa quặng đuôi phát sinh từ quá trình khai thác, chế biến khoáng sản không phải là bãi chôn lấp chất thải.

1.3.2. *Ô chôn lấp chất thải* là các ô có kích thước và kết cấu nhất định trong bãi chôn lấp chất thải rắn mà chất thải được chôn lấp vào đó.

1.3.3. *Chất thải trơ* là chất thải không có khả năng phân hủy sinh học và sinh ra khí thải khi chôn lấp (bao gồm cả các chất còn lại sau khi tái chế, thu hồi chất thải rắn).

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Yêu cầu về lựa chọn địa điểm, vị trí bãi chôn lấp chất thải rắn

2.1.1. Địa điểm bãi chôn lấp chất thải rắn phải phù hợp quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch có nội dung liên quan đến quản lý chất thải đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2.1.2. Bãi chôn lấp chất thải rắn không được đặt trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, khu vực thường xuyên bị ngập nước và các khu vực cần được bảo vệ khác theo quy định của pháp luật.

2.1.3. Vị trí bãi chôn lấp chất thải rắn phải bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm

2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành QCVN 01:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường trong thiết kế và xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn

2.2.1. Việc thiết kế và xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, bãi chôn lấp chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

2.2.1.1. Phải có hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước rỉ rác.

2.2.1.2. Phải có hệ thống thu gom nước rỉ rác về khu vực lưu giữ nước thải hoặc hệ thống xử lý nước thải. Hệ thống thu gom nước rỉ rác phải được thiết kế và xây dựng đáp ứng yêu cầu tại Mục 6.3.6 TCVN 13766:2023 - Chất thải rắn - bãi chôn lấp hợp vệ sinh - yêu cầu thiết kế (sau đây viết tắt là TCVN 13766:2023).

2.2.1.3. Thành và đáy của bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, bãi chôn lấp chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được thiết kế và xây dựng đáp ứng yêu cầu tại Mục 6.3.2 TCVN 13766:2023.

2.2.1.4. Phải có hệ thống thu gom và đốt bỏ khí hoặc thu hồi năng lượng từ khí bãi chôn lấp, trừ trường hợp bãi chôn lấp chất thải trơ. Việc thiết kế và xây dựng hệ thống thu gom, xử lý khí bãi chôn lấp được thực hiện theo Mục 6.3.7 TCVN 13766:2023.

2.2.1.5. Phải có hệ thống giếng quan trắc nước dưới đất nhằm quan trắc định kỳ và giám sát chất lượng nước dưới đất khu vực trong giai đoạn vận hành và giai đoạn cần kiểm soát bãi chôn lấp sau khi đã đóng bãi.

2.2.1.6. Chiều cao tối đa của bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, bãi chôn lấp chất thải rắn công nghiệp thông thường được tính toán để bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2.2.2. Việc thiết kế và xây dựng bãi chôn lấp chất thải nguy hại phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

2.2.2.1. Phải có hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước rỉ rác.

2.2.2.2. Phải có hệ thống thu gom nước rỉ rác về khu vực lưu giữ nước thải hoặc hệ thống xử lý nước thải. Hệ thống thu gom nước rỉ rác phải được thiết kế và xây dựng đáp ứng yêu cầu tại Mục 6.3.3 TCVN 13439:2022 - Bãi chôn lấp chất thải nguy hại - yêu cầu thiết kế (sau đây viết tắt là TCVN 13439:2022).

2.2.2.3. Thành và đáy của bãi chôn lấp chất thải nguy hại phải được thiết kế và xây dựng đáp ứng yêu cầu tại Mục 6.3.2 TCVN 13439:2022.

2.2.2.4. Phải có hệ thống thu gom và đốt bỏ khí hoặc thu hồi năng lượng từ khí bãi chôn lấp, trừ trường hợp bãi chôn lấp chất thải trơ. Việc thiết kế và xây dựng hệ thống thu gom, xử lý khí bãi chôn lấp được thực hiện theo Mục 6.3.5 TCVN 13439:2022.

2.2.2.5. Phải có hệ thống giếng quan trắc nước dưới đất nhằm quan trắc định kỳ và giám sát chất lượng nước dưới đất khu vực trong giai đoạn vận hành và giai đoạn cần kiểm soát bãi chôn lấp sau khi đã đóng bãi.

2.2.2.6. Bãi chôn lấp chất thải nguy hại có diện tích lớn hơn 5.000 m² thì phải chia thành các ô chôn lấp với diện tích tối đa mỗi ô chôn lấp không quá 5.000 m². Chiều cao tối đa của bãi chôn lấp chất thải nguy hại không quá 05 m (tính cả lớp phủ bề mặt khi đóng bãi chôn lấp) so với mặt đất xung quanh.

2.2.2.7. Phải có mái che (cố định hoặc di động) hoặc sử dụng bạt phủ kín ô chôn lấp chất thải nguy hại khi không hoạt động.

2.3. Yêu cầu về vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn

2.3.1. Yêu cầu về vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và bãi chôn lấp chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.3.1.1. Chất thải phải được rải trên bề mặt ô chôn lấp và được đầm nén tại ô chôn lấp thành từng lớp riêng rẽ; ngăn cách nhau bằng các lớp phủ trung gian bằng đất hoặc vật liệu khác (trong trường hợp cần thiết). Được chôn lấp chung chất thải rắn sinh hoạt với chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.3.1.2. Sử dụng lớp phủ là đất hoặc vật liệu khác (như bạt phủ) để che phủ bề mặt khi không có hoạt động chôn lấp chất thải. Trường hợp đưa chất thải vào bãi chôn lấp bằng phương tiện vận chuyển phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các lớp lót đáy, thành ô chôn lấp, hệ thống thu gom nước rỉ rác.

2.3.1.3. Khối lượng chất thải chôn lấp phải phù hợp với công suất thiết kế của bãi chôn lấp.

2.3.1.4. Phải áp dụng một hoặc đồng thời các biện pháp để loại bỏ, giảm thiểu mùi khó chịu phát sinh: Phun hóa chất, chế phẩm khử mùi; che phủ tạm thời mặt bằng chôn lấp.

2.3.1.5. Định kỳ kiểm tra hồ thu nước rỉ rác, đầu đốt khí bãi chôn lấp chất thải (trong trường hợp phải lắp đặt). Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt có tuần hoàn một phần nước rỉ rác từ hệ thống thu gom của chính bãi chôn lấp hoặc bùn sệt từ hệ thống xử lý nước rỉ rác cho bãi chôn lấp phải đảm bảo an toàn, không ảnh hưởng đến sự ổn định của khối chất thải đã chôn lấp và phải dừng ngay trong trường hợp mất an toàn; có biện pháp giảm thiểu mùi phát tán ra môi trường.

2.3.1.6. Định kỳ kiểm tra bãi chôn lấp chất thải để phát hiện các dấu hiệu bất thường đặc biệt trong thời kỳ mưa lớn dài ngày hoặc lũ lụt và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2.3.1.7. Phải có sổ nhật ký vận hành bãi chôn lấp chất thải và ghi chép tối thiểu các nội dung theo ca vận hành: Thời gian và tên người vận hành; chủng loại và khối lượng chất thải tiếp nhận; chủng loại và khối lượng hóa chất, chế phẩm sử dụng (nếu có); các hiện tượng, sự cố bất thường (nếu có), nguyên nhân và biện pháp khắc phục. Sổ nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và phải được lưu giữ tối thiểu 05 (năm) năm.

2.3.2. Yêu cầu về vận hành bãi chôn lấp chất thải nguy hại:

2.3.2.1. Không được phép chôn lấp các loại chất thải nguy hại bao gồm: Chất thải dạng lỏng hoặc vật liệu chứa chất lỏng; chất thải lây nhiễm; axit quy chì thải; máy biến thế và tụ điện thải có chứa PCB.

2.3.2.2. Khối lượng chất thải chôn lấp phải phù hợp với công suất thiết kế của bãi chôn lấp.

2.3.2.3. Chất thải nguy hại được đưa vào các ô chôn lấp bằng phương tiện vận chuyển, cầu di động hoặc các biện pháp kỹ thuật khác. Trường hợp đưa chất thải nguy hại vào bãi chôn lấp bằng phương tiện vận chuyển phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các lớp lót đáy, thành ô chôn lấp, hệ thống thu gom nước rỉ rác.

2.3.2.4. Phải che phủ hàng ngày (bằng mái che hoặc bạt) khi không có hoạt động chôn lấp chất thải; chỉ được chôn lấp chất thải nguy hại khi trời không mưa.

2.3.2.5. Định kỳ kiểm tra bãi chôn lấp chất thải để phát hiện các dấu hiệu bất thường đặc biệt trong thời kỳ mưa lớn dài ngày hoặc lũ lụt và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2.3.2.6. Phải có sổ nhật ký vận hành bãi chôn lấp chất thải nguy hại. Việc lập, ghi chép và thời gian lưu giữ sổ nhật ký vận hành được thực hiện theo quy định tại Mục 2.3.1.8 Quy chuẩn này.

2.4. Yêu cầu về đóng bãi chôn lấp chất thải rắn

2.4.1. Việc đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường sau khi kết thúc hoạt động được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.4.2. Việc đóng bãi chôn lấp chất thải nguy hại do chủ dự án, cơ sở vận hành, quản lý tự thực hiện đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và đáp ứng các yêu cầu sau:

2.4.2.1. Có lớp vải địa kỹ thuật HDPE hoặc chất liệu tương đương có độ dày tối thiểu 1,5 mm. Trường hợp sử dụng lớp phủ là đất thì phải có hàm lượng sét lớn hơn 30% và có độ dày lớn hơn hoặc bằng 60 cm.

2.4.2.2. Độ dốc từ chân đến đỉnh bãi tăng dần từ 3% đến 5%, luôn bảo đảm thoát nước tốt và không trượt lở, sụt lún.

2.4.2.3. Phủ lớp đệm bằng đất có độ dày phù hợp bảo đảm với mục đích sử dụng tiếp theo của bãi chôn lấp. Trường hợp trồng cỏ, cây xanh thì phủ lớp đệm bằng đất có thành phần phổ biến là cát dày từ 50 cm đến 60 cm; phủ lớp đất trồng (lớp đất thổ nhưỡng) dày từ 20 cm đến 30 cm; trồng cỏ và cây xanh.

2.5. Yêu cầu về quan trắc chất lượng nước dưới đất

2.5.1. Trước khi vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn, phải thực hiện quan trắc tối thiểu 03 lần (trong 03 ngày khác nhau) để đánh giá chất lượng nước dưới đất tại các giếng quan trắc quy định tại Mục 2.2.1.5 và Mục 2.2.2.5 Quy chuẩn này.

2.5.2. Năm đầu tiên của giai đoạn vận hành, phải thực hiện quan trắc tối thiểu 03 tháng/lần để đánh giá chất lượng nước dưới đất tại các giếng quan trắc quy định tại Mục 2.2.1.5 và Mục 2.2.2.5 Quy chuẩn này. Kể từ năm thứ hai của giai đoạn vận hành cho đến thời điểm đóng bãi chôn lấp chất thải rắn, tần suất quan trắc tối

thiểu là 06 tháng/lần. Riêng các thông số hóa chất bảo vệ thực vật, tần suất quan trắc là 01 năm/lần.

2.5.3. Kể từ ngày đóng bãi chôn lấp chất thải rắn đến thời điểm bàn giao mặt bằng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phải thực hiện quan trắc tối thiểu 01 năm/lần để đánh giá chất lượng nước dưới đất tại các giếng quan trắc quy định tại Mục 2.2.1.5 và Mục 2.2.2.5 Quy chuẩn này.

2.5.4. Thông số quan trắc để đánh giá chất lượng nước dưới đất quy định tại Quy chuẩn này được thực hiện theo QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

3. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

3.1. Khí phát sinh từ bãi chôn lấp chất thải rắn (bao gồm giai đoạn vận hành và sau khi đóng bãi) phải được thu gom, thu hồi năng lượng hoặc đốt bỏ hoặc có các biện pháp xử lý phù hợp khác nhằm tránh gây ra các hậu quả về ô nhiễm, cháy nổ đối với môi trường xung quanh, trừ trường hợp bãi chôn lấp đã đóng có hàm lượng khí gas không lớn hơn 5%.

3.2. Nước thải (nước rỉ rác) phát sinh từ bãi chôn lấp chất thải rắn (bao gồm giai đoạn vận hành và sau khi đóng bãi), từ các hoạt động khác trong phạm vi bãi chôn lấp phải được thu gom, xử lý hoặc quản lý theo quy định. Trường hợp xả thải ra nguồn nước tiếp nhận, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải phát sinh từ bãi chôn lấp chất thải rắn phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

3.3. Việc xem xét yêu cầu kỹ thuật của từng bãi chôn lấp chất thải rắn quy định tại Mục 2 Quy chuẩn này được thực hiện đối với từng dự án đầu tư, cơ sở cụ thể.

3.4. Bãi chôn lấp chất thải rắn chỉ được đưa vào vận hành và đóng bãi sau khi dự án, cơ sở đã thực hiện thủ tục môi trường theo quy định.

4. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

4.1. Chủ dự án đầu tư, xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn có trách nhiệm tính toán, thuyết minh để chứng minh khả năng đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2.1 và Mục 2.2 Quy chuẩn này trong Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Hồ sơ đề nghị cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường, Văn bản đăng ký môi trường.

4.2. Việc tính toán, thuyết minh và chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2.1 và Mục 2.2 Quy chuẩn này thông qua các thông số kỹ thuật trong hồ sơ, bản vẽ hoàn công do tổ chức, cá nhân tự thực hiện và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4.3. Tổ chức, cá nhân vận hành và quản lý bãi chôn lấp chất thải rắn có trách nhiệm:

4.3.1. Vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn theo quy định tại Mục 2.3 Quy chuẩn này.

4.3.2. Bảo đảm khí thải, nước thải phát sinh từ bãi chôn lấp chất thải rắn được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khí thải, nước thải.

4.3.3. Quan trắc chất lượng nước dưới đất theo quy định tại Mục 2.5 Quy chuẩn này và tích hợp kết quả quan trắc chất lượng nước dưới đất trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ của dự án, cơ sở theo quy định. Trường hợp phát hiện dấu hiệu ô nhiễm nước dưới đất, tổ chức ứng phó sự cố môi trường và phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định của pháp luật, trong đó bao gồm các nội dung sau:

4.3.3.1. Kịp thời tìm hiểu, xác định nguyên nhân và vị trí rò rỉ.

4.3.3.2. Triển khai các biện pháp xử lý khẩn cấp: các biện pháp kỹ thuật để kiểm soát, ngăn chặn lan truyền ô nhiễm; sửa chữa, khắc phục bãi chôn lấp bảo đảm không rò rỉ nước rỉ rác ra môi trường.

4.3.3.3. Báo cáo cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh để xem xét, giải quyết theo quy định.

4.4. Chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm đóng bãi chôn lấp chất thải rắn theo quy định tại Mục 2.4 Quy chuẩn này.

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

5.2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được viện dẫn trong Quy chuẩn này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản, quy định mới./.